

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Hưng;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 431/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Đình H, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị xây dựng hạnh phúc với anh Phạm Đình H do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện để hiểu nhau hơn không có kết quả. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách. Đến đầu năm 2020 anh H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng sinh sống, hai bên không quan tâm đến nhau. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh H và đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Đình H. Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Phạm Quốc Đ, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2020. Ly hôn, Chị H đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Đình H trình bày: Anh xác nhận Chị H trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, con chung và tài sản chung là đúng. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, Chị H đề nghị ly hôn anh đồng ý. Về con chung, về tài sản chung: Anh H nhất trí với ý kiến của Chị H, tuy nhiên do công việc nên anh không đến toà hoà giải và đề nghị toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Phạm Đình H đều tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử lý cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Đình H; về con chung: Giao con Phạm Quốc Đ, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Phạm Đình H. Anh H có nơi cư trú tại thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Phạm Đình H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình H.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện để hiểu nhau hơn nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ lạnh nhạt, xa cách. Đến đầu năm 2020 anh H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng sinh sống, hai bên không quan tâm đến nhau. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án cả Chị H và anh H đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Tại các biên bản xác minh, địa phương cũng xác nhận mâu thuẫn giữa Chị H, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là Phạm Quốc Đ, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2020. Chị H có nguyện vọng nuôi con và đến thời điểm xét xử cháu Đạt chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con Phạm Quốc Đ cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Đình H.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Đình H.

2. Về con chung: Giao con Phạm Quốc Đ, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Đình H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001161 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Trường Thọ;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh